

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ K
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Kiến Tường, ngày 10 tháng 8 năm 2017

Số: 48/2017/QĐHNGĐ-ST

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 72/2016/TLST-HNGĐ, ngày 29 tháng 7 năm 2016, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1974.

Bị đơn: Ông Võ Văn Đ, sinh năm 1972.

Cả hai cùng địa chỉ: Đường T, khu phố 3, phường 3, thị xã K, tỉnh Long An.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 02 tháng 8 năm 2017.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 02 tháng 8 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1974 với ông Võ Văn Đ, sinh năm 1972; cả hai cùng địa chỉ: Đường T, khu phố 3, phường 3, thị xã K, tỉnh Long An.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về con chung: Bà Nguyễn Thị T và ông Võ Văn Đ thống nhất thỏa thuận tiếp tục giao cháu Võ Thị T, sinh ngày 17 tháng 12 năm 2001, giới tính nữ cho bà Nguyễn Thị T nuôi dưỡng, giáo dục đến khi tròn 18 tuổi. Ông Võ Văn Đ không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Võ Thị T.

Ông Võ Văn Đ được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở ông Võ Văn Đ thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn và mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị T và ông Võ Văn Đ tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị T và ông Võ Văn Đ xác định và cam kết trong thời kỳ hôn nhân không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, đo đạc: Bà Nguyễn Thị T và ông Võ Văn Đ thống nhất thỏa thuận, bà Nguyễn Thị T tự nguyện chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc là 4.500.000 đồng (bốn triệu năm trăm nghìn đồng). Bà Nguyễn Thị T đã nộp đủ 4.500.000 đồng (bốn triệu năm trăm nghìn đồng).

Về án phí: Bà Nguyễn Thị T và ông Võ Văn Đ thống nhất thỏa thuận, bà Nguyễn Thị T tự nguyện chịu toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 100.000 đồng (một trăm nghìn đồng) nộp ngân sách nhà nước, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 12.823.000 đồng (mười hai triệu tám trăm hai mươi ba nghìn đồng) theo biên lai số 0006176 ngày 29 tháng 7 năm 2016 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã K. Bà Nguyễn Thị T được hoàn trả lại số tiền chênh lệch là 12.723.000 đồng (mười hai triệu bảy trăm hai mươi ba nghìn đồng).

Trường hợp bản án hoặc quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án là 05 năm theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:

- Dương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND thị xã;
- Chi cục THA/DS thị xã;
- UBND xã T;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Ngô Thị Kim Diệu

